TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 201/2019/HNGĐ- ST Ngày: 29-11-2019 V/v Ly hôn và nuôi con chung.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 687/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2019/QĐHPT ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Hồng A, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Hồng A trình bày:

Chị Hoàng Hồng A và anh Nguyễn Tuấn Đ tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/01/2013.

Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị, mặc dù anh Đ đã viết cam kết nhiều lần nhưng vẫn không sửa chữa, nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống, mặc dù đã cố gắng nhưng bản thân chị không thể tha thứ, mâu thuẫn

vợ chồng không thể khắc phục được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

Về con chung: Chị A và anh Đ có 02 con chung: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 01/7/2017. Cả hai con chung đang do chị nuôi dưỡng nên chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị làm nghề buôn bán tự do đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tuấn Đ trình bày: Những nội dung như chị A đã trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa anh và chị A là đúng.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bản thân anh có sai lầm, có những lúc nóng giận có đánh đập chị A nên chị A đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, nay bản thân đã nhận ra sai lầm và vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ và chị A có 02 con chung: Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng Duy, sinh ngày: 01/7/2017. Hiện nay các con chung đang ở với chị A, anh Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Nguyễn Tuấn Đ cư trú tại xã B, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Hoàng Hồng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tuấn Đ vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Hồng A là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Hoàng Hồng A xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Hoàng Hồng A và anh Nguyễn Tuấn Đ tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/01/2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo chị A trình bày quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên

đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị, mặc dù anh Đ đã viết cam kết nhiều lần nhưng vẫn không sửa chữa, nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống, mặc dù đã cố gắng nhưng bản thân chị không thể tha thứ, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn Đ.

Kết quả xác minh tại địa phương đã xác định: Vợ chồng chị A và anh Đ sau khi đăng ký kết hôn thì chung sống tại thôn 10, xã B, thành phố B, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc nhau, còn nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tuấn Đ thừa nhận bản thân anh có sai lầm, có những lúc nóng giận có đánh đập chị A nên chị A đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị A và anh Đ đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ của chị Hoàng Hồng A là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Anh Đ và chị A có 02 con chung: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 01/7/2017. Hiện nay các con chung đang ở với chị A, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì hiện nay chị làm nghề buôn bán thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con chung, còn anh Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy các con chung đang còn nhỏ và được chị A trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị A và anh Đ sống ly thân, để ổn định cuộc sống của các cháu cần giao các con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Hồng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Hồng A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Hồng A được ly hôn anh Nguyễn Tuấn Đ.

-Về nuôi con chung: Giao 02 con chung: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 01/7/2017 cho chị Hoàng Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Tuấn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hoàng Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002302 ngày 26/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Tuấn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
- UBND xã B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt